TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2021
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Thị Thường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải
Ông Lê Văn Khoe

- Thư ký phiên toà: Bà Đậu Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 617A/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngọ Duy C, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1986

Địa chỉ: 791/9/15 đường B, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Ngọ Duy C trình bày:

Anh và chị Dương Thị L chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 2018. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh và chị L chung sống hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng ở cách xa về địa lý nên hay bất đồng quan điểm với nhau, không hiểu ý nhau, không có sự thông cảm và tôn trọng nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng có cãi vã nhau nhiều lần.

Anh và chị L đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Anh và chị L đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, mỗi người một chỗ ở riêng.

Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C và chị L đã nộp đơn thuận tình ly hôn. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, chị L đã thay đổi ý kiến không thuận tình ly hôn. Anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị L và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh C yêu cầu ly hôn với chị Dương Thị L.

2. Về con chung: Anh và chị L có 01 (một) con chung là cháu Ngọ Tường V, sinh ngày 13/7/2018. Anh C đồng ý giao cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh C tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện ở xa và vì dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp nên anh C đã làm đơn đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết vụ án và xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử vụ án ly hôn giữa anh và chị Dương Thị L.

Tại bản tự khai và qua các lần làm việc tại Tòa án, bị đơn – chị Dương Thị L trình bày:

Chị và anh Ngọ Duy C chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 2018. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị và anh C chung sống hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng ở cách xa về địa lý nên hay bất đồng quan điểm với nhau, không hiểu ý nhau, không có sự thông cảm và tôn trọng nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng có cãi vã nhau nhiều lần. Chị và anh C đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, mỗi người một chỗ ở riêng.

Do nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị và anh C đã nộp đơn thuận tình ly hôn. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, do thương con và muốn con có mẹ có cha nên chị đã thay đổi ý kiến không thuận tình ly hôn cho anh C cơ hội để sửa chữa bản thân trở thành người cha tốt. Nhưng do khoảng cách địa lý quá xa nhau nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên chị L đồng ý ly hôn với anh Ngọ Duy C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 (một) con chung là cháu Ngọ Tường V, sinh ngày 13/7/2018. Chị L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu V và yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Tuy nhiên do điều kiện công việc không thể xin nghỉ làm nên chị L làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết vụ án và xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố V. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Ngọ Duy C và chị Dương Thị L trước đây đã làm đơn thuận tình ly hôn và Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã thụ lý việc hôn nhân gia đình số 467/2021/VHNST ngày 10/5/2021. Tuy nhiên, quá trình làm việc ngày 24/6/2021, chị L đã có Đơn xin thay đổi ý kiến không đồng ý thuận tình ly hôn với anh C, anh C vẫn yêu cầu tiếp tục ly hôn với chị L. Vì vậy, căn cứ vào khoản 5 Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thành phố V đã đình chỉ đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và chuyển sang vụ án "Ly hôn" theo đúng quy định pháp luật.

Nay anh C yêu cầu ly hôn với chị Dương Thị L có địa chỉ cư trú tại thành phố V. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, cả nguyên đơn và bị đơn đều có Đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Anh Ngọ Duy C và chị Dương Thị L tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị L nhận thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C và chị L ở cách xa về địa lý nên hay bất đồng quan điểm với nhau, không hiểu ý nhau, không có sự thông cảm và tôn trọng nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng cãi vã nhau nhiều lần. Từ cuối năm 2018 cho đến nay anh C và chị L đã sống ly thân, mỗi người một chỗ ở riêng.

Chị L xác nhận mâu thuẫn giữa chị và anh C là có thật, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng ở cách xa nhau về địa lý nên hay bất đồng quan điểm, hay cãi nhau, không còn thương yêu nhau như trước nữa. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Chị và anh C sống ly thân nhau đã lâu, mỗi người một chỗ ở riêng.

Tại phiên tòa, anh C và chị L đều có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa anh C và chị L là có thật, vợ chồng cũng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Từ năm 2018 cho đến nay, anh C và chị L đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C là phù hợp.

Về con chung: Anh C và chị L có 01 (một) con chung là cháu Ngọ Tường V, sinh ngày 13/7/2018. Trên cơ sở ý chí và nguyện vọng của hai bên, giao cháu

Vy cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí: Anh Ngọ Duy C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19; Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ngọ Duy C đối với chị Dương Thị L.

1.Về hôn nhân: Anh Ngọ Duy C ly hôn với chị Dương Thị L.

2. Về con chung: Anh C và chị L có 01 (một) con chung là cháu Ngọ Tường V, sinh ngày 13/7/2018. Trên cơ sở ý chí và nguyện vọng của hai bên, giao cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau khi ly hôn, anh Ngọ Duy C được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Anh Ngọ Duy C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007925 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V. Anh C phải nộp thêm số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về án phí cấp dưỡng định kỳ: Anh C phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp.V;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.V;
- Các đương sự;
- UBND Phường M, Tp.V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Thường